SAO Y
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
Thời gian ký: 21/12/2021 09:33:09 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4957/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 21 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/112019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 6636/QĐ-UBND ngày 24/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của UBND thị xã Cửa Lò; đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 4416/SXD.QHKT ngày 01/12/2021 về việc thẩm định điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò.

3. Tư vấn lập quy hoạch: Công ty CP Xúc tiến Đầu tư phát triển DIPCO.

4. Phạm vi ranh giới và thời hạn lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc giáp: Biển Đông;
- Phía Nam giáp: Phường Thu Thủy;
- Phía Đông giáp: Biển Đông;
- Phía Tây giáp: Xã Khánh Hợp, huyện Nghi Lộc và phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò.

4.2. Thời hạn nghiên cứu quy hoạch: Từ năm 2021 đến năm 2030.

5. Tính chất, chức năng:

- Là khu công nghiệp kinh tế biển và vận tải đường thủy thuộc vùng cảng Cửa Lò, nằm trong quy hoạch khu Kinh tế Đông Nam của tỉnh Nghệ An và thị xã Cửa Lò gồm các khu chức năng chính: Khu công nghiệp, cảng biển, khu ở dân cư, thương mại dịch vụ du lịch, khu hành chính, văn hóa, công trình công cộng cấp phường.

- Là khu vực đô thị chỉnh trang, có phát triển mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

6. Quy mô đất đai, dân số:

6.1. Quy mô đất đai: Tổng diện tích khu đất quy hoạch 251,12ha.

6.2. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng trong khu vực nghiên cứu quy hoạch: 9.691 người.

- Dân số khu vực dự báo đến năm 2030: 10.700 người.

7. Cơ cấu quy hoạch phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: Theo bản vẽ QH 05.

7.1. Khu công trình công cộng cấp phường, được bố trí cụ thể như sau:

a) Trung tâm hành chính phường (ký hiệu CC-UB, CC-TN): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có (thuộc khối 10 cũ, nay là khối Yên Sơn). Gồm các công trình Trụ sở HĐND, UBND phường, Công an phường, đội Thuế, Quỹ tín dụng, đài tưởng niệm Liệt sỹ. Diện tích đất 0,69ha. Mật độ xây dựng từ 40% - 60%, tầng cao từ 1 - 5 tầng.

b) Nhà văn hóa khối (ký hiệu VH-ĐT, VH-TC, VH-ĐK, VH-BM, VH-YĐ, VH-YS): Gồm 06 nhà văn hóa, trong đó 04 nhà văn hóa được giữ nguyên vị trí hiện có tại các khối: Đồng Tiến (ký hiệu VH-ĐT), Thành Công (ký hiệu VH-TC), Yên Đình (ký hiệu VH-YĐ), Bình Minh (ký hiệu VH-BM); quy hoạch xây dựng mới 02 nhà văn hóa là nhà văn hóa khối Yên Sơn (ký hiệu VH-YS) phía sau trường mầm non; nhà văn hóa khối Đoàn Kết (ký hiệu VH-ĐK) phía Tây Bắc đồi 37. Tổng diện tích 0,64ha; mật độ xây dựng từ 40%-70%; cao 01 tầng.

c) Công trình Y tế (ký hiệu CC-YT): Trạm Y tế phường giữ nguyên vị trí hiện có tại khối Đoàn Kết. Diện tích 0,15ha. Mật độ xây dựng 40%; tầng cao từ 1 - 2 tầng.

7.2. Khu dân cư (ký hiệu từ ƠC-01 đến ƠC-117 và từ OM-01 đến OM-04):

a) Khu dân cư hiện trạng chỉnh trang (ký hiệu từ ƠC-01 đến ƠC-117): Được giữ nguyên tại các khu vực hiện hữu. Tổng diện tích đất 43,38ha.

- Tầng cao: Đối với các lô đất bám trục đường <15m tầng cao tối đa 7 tầng; đối với các lô đất bám trục đường ≥ 15m tầng cao tối đa 25 tầng.

- Mật độ xây dựng trong từng lô đất xây dựng nhà ở từ 70% - 100%.

- Nhà ở chung cư cao tầng không quy hoạch xen lẫn trong các khu dân cư hiện hữu.

b) Khu ở mới (ký hiệu từ OM-01 đến OM-04): Được bố trí chủ yếu tại 04 vị trí cụ thể như sau: Vị trí số 1 ở phía Bắc đường Thục An Dương Vương, vị trí số 2 và

vị trí số 3 nằm phía Đông trục đường Mai Thúc Loan, vị trí số 4 ở phía Tây Bắc đồi 37. Tổng diện tích đất 0,40ha.

- Tầng cao: Đối với các lô đất bám trục đường <15m tầng cao tối đa 6 tầng; Đối với các lô đất bám trục đường ≥ 15m tầng cao tối đa 8 tầng.

- Mật độ xây dựng trong từng lô đất xây dựng nhà ở từ 80% - 100%.

- Đối với các dự án phát triển nhà ở đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

7.3. Công trình giáo dục (ký hiệu GD-MN, GD-TH, GD-TCS): Được giữ nguyên vị trí. Bao gồm các công trình:

- Trường mầm non (ký hiệu GD-MN): Được giữ nguyên tại vị trí hiện có tại khối Yên Sơn. Diện tích đất 0,33ha. Mật độ xây dựng từ 30% - 40%, tầng cao từ 1 - 3 tầng.

- Trường tiểu học (ký hiệu GD-TH): Giữ nguyên vị trí hiện có tại khối Bình Minh. Diện tích đất 0,81ha. Mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao từ 1 - 3 tầng.

- Trường trung học cơ sở (ký hiệu GD-TCS): Giữ nguyên vị trí hiện có tại khối Yên Đình. Diện tích đất 0,77ha. Mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao từ 1 - 3 tầng.

7.4. Khu cây xanh thể dục thể thao (ký hiệu từ CX-01 đến CX-07): Gồm 07 khu trong đó: Khu số 1 được bố trí đối diện UBND phường Nghi Thủy, khu số 2 bố trí tại đồi 37, khu số 3 bố trí tại khu nghĩa địa cũ phía Đông nhà văn hóa khối Đoàn Kết, khu số 4 bố trí tại phía Nam khu ẩm thực, khu số 5 bố trí tại phía Đông đền Mai Bảng, khu số 6 bố trí tại nhà văn hóa khối 9 cũ, khu số 7 bố trí tại nhà văn hóa khối 5 cũ; các khu vực nhỏ lẻ còn lại bố trí xen kẽ trong các khu dân cư. Tổng diện tích 1,63ha; mật độ xây dựng tối đa 5%; tầng cao tối đa 01 tầng.

7.5. Đất cơ quan, tổ chức doanh nghiệp (ký hiệu CQ): Các công trình cơ quan, tổ chức doanh nghiệp cơ bản giữ nguyên tại vị trí đã có, từng bước nâng cấp, cải tạo chỉnh trang phù hợp với cảnh quan đô thị. Diện tích 4,84ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao công trình từ 1-5 tầng.

7.6. Công trình thương mại, dịch vụ - du lịch (ký hiệu từ TM-01 đến TM-04; TM -06 đến TM-08; từ CH-TM01 đến CH-TM05 và DVDL): Gồm 08 khu thương mại, dịch vụ - du lịch bố trí bám đường Bình Minh, bán đảo Lan Châu; khu ẩm thực đêm; khu hậu cần nghề cá và 02 chợ gồm: Chợ Bến Cá, chợ Hôm. Tổng diện tích đất 17,21ha. Mật độ xây dựng từ 40%-50%, tầng cao từ 2 - 9 tầng.

7.7. Đất tôn giáo, di tích (ký hiệu DT-01, DT-02, DT-03): Giữ nguyên tại vị trí hiện có. Gồm 03 di tích là đền Mai Bảng, giếng làng cổ, đền Yên Lương (mở rộng về phía Bắc). Tổng diện tích đất 1,73ha, mật độ xây dựng từ 40 - 50%, tầng cao công trình từ 1 - 3 tầng.

7.8. Đất công trình Cảng (ký hiệu CTC): Công trình cảng Cửa Lò giữ nguyên vị trí tại khối Đông Tiến và mở rộng về phía Đông. Tổng diện tích 56,29ha; tầng cao công trình từ 1-3 tầng.

7.9. Đất ao hồ, mặt nước, Biển(ký hiệu MN): Gồm Kênh mương Tây và phần mặt nước Biển Đông ở phía Bắc cảng Cửa Lò. Tổng diện tích 75,58ha.

7.10. Đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HTKT): Được bố trí tại phía Bắc chợ Bến cá. Tổng diện tích đất 0,17ha, mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao 01 tầng.

7.11. Đất an ninh quốc Phòng (ký hiệu QP): Giữ nguyên vị trí. Gồm các công trình Đồn biên phòng tại khối Đông Tiến và khu hậu cứ bộ đội đảo Ngư tại khối Đoàn Kết. Tổng diện tích đất 1,12ha. Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao từ 2-5 tầng.

7.12. Bãi biển (ký hiệu BB): Phía Nam đường ra cầu cảng Cửa Lò kéo dài đến bán đảo Lan Châu. Tổng diện tích đất 5,92ha.

8. Quy hoạch sử dụng đất: Thống nhất theo Bản vẽ QH:04. Bảng tổng hợp sử dụng đất như sau:

TT	HẠNG MỤC	Kí hiệu	Phân khu Nghi Thủy		
			Diện tích (ha)	Chỉ tiêu m^2/người	Tỷ lệ %
I	**Đất dân dụng**		**48,80**	**45,61**	**19,43**
1	Đất công cộng	CC	1,48	1,38	0,59
1.1	*UBND phường, công an phường, đội thuế, quỹ tín dụng.*	*CC-UB*	*0,51*		*0,20*
1.2	*Đài tưởng niệm*	*CC-TN*	*0,18*		*0,07*
1.3	*Trạm Y tế*	*CC-YT*	*0,15*		*0,06*
1.4	*Nhà văn hóa khối*	*VHK*	*0,64*		*0,25*
2	**Đất ở**	**Ơ**	**43,78**	**40,92**	**17,43**
2.1	*Đất ở cũ hiện hữu (cải tạo chỉnh trang)*	*ƠC*	*43,38*	*40,54*	*17,27*
2.2	*Đất ở mới*	*ƠM*	*0,40*	*37*	*0,16*
3	Đất giáo dục	GD	1,91	1,79	0,76
3.1	*Đất trường mầm non*	*GD-MN*	*0,33*		*0,13*
3.2	*Đất trường tiểu học*	*GD-TH*	*0,81*		*0,32*
3.3	*Đất trường trung học cơ sở*	*GD-TCS*	*0,77*		*0,43*
4	Đất cây xanh, thể dục thể thao	CX	1,63	1,52	0,65
II	**Đất ngoài phạm vi khu dân dụng**		**161,55**		**64,33**
1	Đất cơ quan, tổ chức doanh nghiệp	CQ	4,84		1,93
2	Đất thương mại, dịch vụ - du lịch	TM	17,21		6,85
3	Đất tôn giáo, di tích	TG	0,42		0,17
4	Đất công trình cảng	CTC	56,29		22,42
5	Đất ao hồ, mặt nước, biển	MN	75,58		30,10
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	0,17		0,07
7	Đất an ninh quốc phòng	QP	1,12		0,45
8	Bãi biển	BB	5,92		3,37
III	**Đất giao thông**	**GT**	**40,77**		**16,24**
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		**251,12**		**100,00**

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Giao thông: Thống nhất theo bản vẽ QH:06

a) Mặt cắt đặc trưng các tuyến đường như sau:

TT	Tên đường	Mặt cắt	Lòng đường (m	Vỉa hè (m)	bulva (m)	Lộ giới (m)
1	Bình Minh	1 - 1	21,0	10,0 + 5,0	3,0	39,0
2	Đường Nguyễn Huệ	2 - 2	21,0	7,5 x 2	0	36,0
3	Nguyễn Xí	3 - 3	16,0	7,0 x 2	0	30,0
4	Thục An Dương Vương	3' - 3'	20,0	5,0 x 2	0	30,0
5	Mai Thúc Loan, Lê Khôi, Cao Huy Tuấn, Lê Thị Bạch Cát, đường quy hoạch	4 - 4	9,0	4,5 x 2	0	18,0
6	Đường quy hoạch	5 - 5	8,0	3,5 x 2	0	15,0
7	Đường quy hoạch	6 - 6	6,0	3,0 x 2	0	12,0
8	Đường quy hoạch	7 - 7	6,0	2,5 x 2	0	11,0
9	Đường quy hoạch	8 - 8	6,0	2,0 x 2	0	10,0
10	Đường quy hoạch	9 - 9	6,0	1,5 x 2	0	9,0
11	Đường quy hoạch	10 - 10	5,0	1,0 x 2	0	7,0

b) Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi):

- Các công trình đã xây dựng: Giữ nguyên hiện trạng.

- Các công trình xây dựng nằm trong dự án đã có quy hoạch tỷ lệ 1/500 được duyệt: Thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt.

- Các công trình xây dựng mới: Tùy theo tính chất, chức năng, tầng cao công trình và điều kiện thực tế xây dựng để xác định khoảng lùi theo đúng quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

9.2. Chuẩn bị kỹ thuật (San nền, thoát nước mưa): Thống nhất theo bản vẽ QH: 07.

a) San nền: San nền cục bộ theo từng khu vực (chủ yếu tại những khu vực xây dựng công trình, khu chức năng mới để không làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của toàn khu); các khu vực đã xây dựng công trình ổn định cần giữ nguyên nền hiện trạng. Cao độ san nền được thiết kế từ + 2,39 đến + 3,80. Định hướng san nền với độ dốc 0,5%.

b) Thoát nước mưa: Chia thành 02 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc đường Nguyễn Xí, phía Nam đường Nguyễn Trịnh Hoàng, khép kín bởi đường quy hoạch 18m. Nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước dọc các đường giao thông, thoát ra cống phía Tây đường Phạm Huy, rồi thoát ra kênh mương Tây;

- Lưu vực 2: Khu vực phía Bắc đường Nguyễn Trịnh Hoàng và phía Tây đường Bình Minh. Toàn bộ lưu vực này đổ vào phía Tây đường Thục An Dương Vương, thoát ra kênh Mương Tây.

9.3. Cấp nước: Thống nhất theo bản vẽ QH: 08.

- Nguồn nước: Được lấy từ nhà máy nước thị xã Cửa Lò công suất 3.000m3/ngđ và nhà máy nước Nghi Hoa công suất 10000m^3/ngđ trích từ đường ống trên đường Nguyễn Xí và đường Bình Minh.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người.ngày.đêm.

- Tổng công suất tính toán: 3.353,0m^3/ngày.đêm.

- Nguồn nước phòng cháy chữa cháy sử dụng chung với nguồn nước sinh hoạt. Sử dụng các trụ cứu hỏa kiểu nổi đường kính D125 theo TCVN 6379-1998 đặt trên các tuyến đường chính, khoảng cách giữa các trụ ≤150m.

9.4. Cấp điện: Thống nhất theo bản vẽ QH: 09.

- Nguồn điện được lấy từ trạm nguồn phân phối (110/22kV) trung gian Cửa Lò.

- Tiêu chuẩn cấp điện: Theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.

- Tổng công suất tính toán: 19041.66KVA.

- Xây dựng mới 11 trạm biến áp loại 22/0,4kV, có công suất từ 400kVA-2x630kVA đặt tại các khu cây xanh, hạ tầng kỹ thuật...

9.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Thống nhất theo bản vẽ QH: 10.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại chân công trình bằng bể tự hoại sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước thải của thị xã để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất hiện tại 5.000,0m^3/ng.đ (dự kiến sẽ nâng cấp lên 25.000,0 m^3/ng.đ).

- Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy theo tiêu chuẩn cấp, tỷ lệ thu gom 90% công suất cấp nước. Tổng công suất: 3.354m^3/ng.đ.

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 0.9 kg/người.ng.đ

- Tiêu chuẩn rác thải bãi đường: 0.8kg/m^2.năm.

- Rác thải được thu gom tại các thùng chứa rác và các hố thu xây dựng mới kết hợp với bãi đỗ xe, sau đó đưa về khu xử lý tập trung tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc.

9.6. Đánh giá môi trường chiến lược: Thống nhất theo bản vẽ QH: 13.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được đưa đi chôn lấp, hoặc đưa về khu xử lý tập trung để chế biến thành phân hữu cơ.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại khu vực, các điểm có khả năng gây ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

10. Thiết kế đô thị:

- Phân vùng kiến trúc cảnh quan: Được phân thành các trục cảnh quan chính và phát triển hài hoà giữa các khu vực cũ và mới. Các trục cảnh quan chính gồm trục đường quốc lộ ven biển, trục đường QL46, trục đường quy hoạch 30m, từ đó lan tỏa ra các khu vực xung quanh.

- Một số vị trí có quy hoạch xây dựng công trình tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đô thị sẽ được xem xét cụ thể về hình thức kiến trúc, tầng cao, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng, hệ số sử dụng đất trong quy hoạch chi tiết đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế.

12. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu và Quy định quản lý theo quy hoạch được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện như sau:

1. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, sử dụng đất, đầu tư xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; đồng thời chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định (bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò và Ủy ban nhân dân phường Nghi Thủy).

3. Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

4. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt phải được Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò tổng hợp, trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nghi Thủy; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các PVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh; TT Tin học - Công báo;
- TT phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, CN, CVXD (Quỳnh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Hoa